TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày: 16/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lưu Hồ Lân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thành Lam**
2. Bà **Đặng Thị Thơm**

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Thành Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Bá Thái** - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2019 tại Hội trường xét xử A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2018/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**- sinh ngày: 20/4/1956 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố C, phường T, tp.P, tỉnh Bình Thuận; Chứng minh nhân dân số: 260004375, cấp ngày 22/02/1990, nơi cấp: Công an Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn H (chết) và bà: Nguyễn Thị V (chết); có vợ: Chu Thị Thanh T, sinh năm: 1966 và 01 con, sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang chấp hành án 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại bản án số 56/2013/HSST ngày 25/7/2013 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại trại giam Thủ Đức. (có mặt tại phiên tòa)

** Người bị hại:*

1. Chị **Nguyễn Thị Thu T sinh năm: 1965**

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Anh **Đào Tiến H sinh năm: 1962**

Nơi cư trú: C/71, tổ 9, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Ông **Nguyễn Văn M sinh năm: 1954**

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

4. Anh **Nguyễn P sinh năm: 1984**

Nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Chị **Phạm Thị T** **sinh năm: 1967**

Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Chị **Hoàng Thị Đ** **sinh năm: 1960**

Nơi cư trú: 19/4, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

7. Chị **Vũ Thị Thanh H** **sinh năm: 1979**

Nơi cư trú: E4/034, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

8. Bà **Lăng Thị Vân T** **sinh năm: 1955**

Nơi cư trú: A3/96, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

9. Chị **Phạm Thị T** **sinh năm: 1962**

Nơi cư trú: E2/028, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

10. Chị **Nguyễn Thị M** **sinh năm: 1960**

Nơi cư trú: E2/037, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

** Người làm chứng:*

1. Chị **Đào Huyền T** **sinh năm: 1987**

Nơi cư trú: C/71, tổ 9, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

2. Chị **Đào Trinh N** **sinh năm: 1985**

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

3. Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** **sinh năm: 1989**

Nơi cư trú: E2/028B, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

4. Chị **Đào Nguyễn Trang T** **sinh năm: 1991**

Nơi cư trú: C/71, ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Chị **Tạ Thùy L** **sinh năm: 1988**

Nơi cư trú: 19/4, ấp T, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

6. Anh **Nguyễn Thanh S** **sinh năm: 1986**

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

7. Anh **Kiều Hoàng T** **sinh năm: 1988**

Nơi cư trú: A3/96, ấp B, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại khu phố C, phường T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Tháng 7/2002, Nguyễn Văn H xuất cảnh sang Mỹ theo diện định cư nhưng chưa có quốc tịch Mỹ. Từ năm 2002 đến năm 2012, Nguyễn Văn H nhiều lần nhập cảnh vào Việt Nam, về cư trú cùng vợ, con tại khu phố C, phường T, thành phố P. Trong thời gian cư trú tại Việt Nam, Nguyễn Văn H gặp, làm quen với Nguyễn Xuân B. Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B đã bàn bạc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân có nhu cầu xuất khẩu lao động ở Mỹ. Cụ thể như sau: Nguyễn Văn H nói dối với những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động ở Mỹ H là phó Giám đốc Công ty K, chuyên gia công vàng bạc, đá quý ở Mỹ đang cần tuyển nhân viên với mức lương cao. H và B hướng dẫn họ làm hồ sơ gồm

các bản sao công chứng sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe, 04 tấm hình 3x4, 04 tấm hình 4x6, lý 1ịch tư pháp, hộ chiếu giao cho Nguyễn Văn H để làm thủ tục. Nguyễn Xuân B có nhiệm vụ tìm người có nhu cầu xuất khẩu lao động, rồi tiếp cận đưa ra mức giá mỗi người được đi xuất khẩu lao động ở Mỹ phải trả 15.000 USD. Khi nộp hồ sơ phải đặt tiền cọc trước cho H hoặc B 1.000 USD/bộ hồ sơ, khi hoàn chỉnh hồ sơ phải đưa trước 7.500 USD, còn lại 7.500 USD khi nào sang Mỹ đi làm trả dần hàng tháng.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến năm 2008, bằng thủ đoạn nêu trên, Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân B đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân trên địa bàn các xã thuộc huyện T và huyện C, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B:

* Vụ thứ 1: Vào khoảng tháng 6/2007, thông qua anh Nguyễn Hoàng Quốc V, sinh năm 1982 (là con trai Nguyễn Xuân B) nên Nguyễn Xuân B biết được anh Nguyễn P, sinh năm 1984, trú tại ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981, là con ruột ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1954, cùng trú tại ấp B, xã X, huyện T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có nhu cầu xuất cảnh sang Mỹ để hợp tác lao động. Nguyễn Xuân B gặp anh Nguyễn P, ông Nguyễn Văn M và nói dối cho ông M, anh P biết Nguyễn Văn H có khả năng làm thủ tục đưa anh P và S xuất cảnh sang Mỹ để lao động với số tiền 15.000 USD/người, tin vào lời nói của Nguyễn Xuân B nên anh Nguyễn P đã lập hồ sơ và giao số tiền 32.000.000 đồng tương đương 2.000 USD cho Nguyễn Xuân B. Riêng ông Nguyễn Văn M lập hồ sơ và 02 lần giao số tiền 48.000.000 đồng tương đương 3.000 USD giao cho Nguyễn Xuân B. Sau khi nhận được hồ sơ và tiền, Nguyễn Xuân B đã đưa hồ sơ xuất khẩu lao động của các anh S và P cho Nguyễn Văn H, còn số tiền 80.000.000 đồng Nguyễn Xuân B đã tiêu xài cá nhân hết.

* Vụ thứ 2: Cũng với thủ đoạn trên, tháng 05/2008, Nguyễn Xuân B gặp và giới thiệu bà Phạm Thị T, sinh năm 1967, trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương cho Nguyễn Văn H để H hướng dẫn làm hồ sơ xuất khẩu lao động sang Mỹ, tin tưởng vào lời nói của B và H, bà Phạm Thị T đã làm hồ sơ theo hướng dẫn rồi đưa cho H và B, đồng thời giao cho Nguyễn Xuân B 2.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương với số tiền là 32 000.000 đồng). Đến tháng 12/2008, thông qua chị Nguyễn Thị Thu T, bà T tiếp tục giao cho Nguyễn Văn H 2.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương với số tiền là 33.600.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên Nguyễn Văn H không làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Mỹ cho Phạm Thị T như đã hứa mà tiêu xài cả nhân hết.

* Vụ thứ 3: Vào tháng 8/2008, thông qua Nguyễn Xuân B giới thiệu thì Nguyễn Văn H quen biết bà Nguyễn Thị Thu T sinh năm 1965 và ông Đào Tiến H (là chồng bà T), sinh năm 1962 cùng trú tại ấp T, xã X, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Văn H tự giới thiệu là Phó giám đốc Công ty K, chuyên gia công vàng bạc, đá quý ở Mỹ đang cần tuyển nhân viên với mức lương cao, H có khả năng đưa người lao động xuất cảnh sang Mỹ với chi phí là 15.000 USD/người, tin vào lời nói của Nguyễn Văn H là thật nên bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H làm 06 bộ hồ sơ xuất khẩu lao động cho người nhà của bà T, ông H gồm: Nguyễn Thị Thu T, Đào Tiến H; 03 con của bà T gồm Đào Huyền T, sinh năm 1987; Đào Nguyễn Trang T, sinh năm 1991; Đào Trinh N, sinh năm 1985; cháu ruột Tạ Hoàng Mai Q, sinh

năm 2006 và 04 người quen của bà T là Kiều Hoàng T, sinh năm 1988, Võ Quốc T, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1989 cùng trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Tạ Thùy L, sinh năm 1988 trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Đào Tiến H gặp, giao 10 bộ hồ sơ và 10.000 USD (quy đổi thành tiền tại thời điểm tương ứng với số tiền là 167.000.000 đồng) cho Nguyễn Văn H. Sau khi chiếm đoạt tài sản, Nguyễn Văn H không làm thủ tục cho những người này đi xuất khẩu lao động như đã hứa mà lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H khai từ tháng 10/2008 đến tháng 5/2009, bà T và ông H đã đưa cho Nguyễn Văn H tổng số tiền 16.600 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm đó tương đương số tiền là 277.220.000 đồng) và 11.000.000 đồng để làm hồ sơ cho gia đình bà T, ông H. Ngoài ra bà T, ông H còn đưa cho Nguyễn Văn H 16.361 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương số tiền là 273.288.000 đồng) và 10.000.000 đồng để làm hồ sơ cho Kiều Hoàng T, Võ Quốc T, Nguyễn Thị Thùy T, Tạ Thùy L. Tuy nhiên, Nguyễn Văn H chỉ thừa nhận đã nhận của bà Th, ông Hg 10.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương với số tiền là 167.000.000 đồng). Nguyễn Văn H không thừa nhận, bà T và ông H không có tài liệu hay chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở để kết luận hành vi chiếm đoạt số tiền như lời khai của bà T và ông H.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn H:

Vào tháng 11/2008, thông qua giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Văn H biết được chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1979, trú tại ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai có nhu cầu đưa 02 người em là Vũ Hoàng Diễm L và Vũ Hoàng Y đi xuất khẩu lao động ở Mỹ nên Nguyễn Văn H dùng thủ đoạn gian dối, tự giới thiệu là Phó giám đốc Công ty K, chuyên gia công vàng bạc, đá quý ở Mỹ đang cần tuyển nhân viên với mức lương cao, H có khả năng đưa người lao động xuất cảnh sang Mỹ với chi phí là 15.000 USD/người, tin tưởng vào lời nói của H, chị Vũ Thị Thanh H đã giao cho Nguyễn Văn H 01 bộ hồ sơ và 1.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương với số tiền là 17. 000.000 đồng). Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, H tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn H còn khai nhận thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là Phó giám đốc Công ty K do chị gái Nguyễn Thị H làm giám đốc tại địa chỉ: 11318, thành phố W, bang C 192683, Hoa Kỳ. Nguyễn Văn H được Công ty K giao nhiệm vụ về Việt Nam để tuyển dụng lao động. Ngày 25/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã có văn bản số 308/CSĐT gửi Sở Ngoại vụ tỉnh Đồng Nai và số 309/CSĐT ngày 18/7/2018 gửi Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ xác minh nội dung nêu trên nhưng đến thời điểm này vẫn chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đồng Nai xác định Công ty K không thành lập Văn phòng đại diện ở Việt Nam và cũng không được cấp phép tuyển dụng người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài như bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận.

Bản cáo trạng số 73/CT.VKS-HS ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 07 đến 08 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự:

+ Vụ án 1: Quá trình điều tra, Nguyễn Xuân B đã trả cho anh Nguyễn P và ông M số tiền là 60.000.000 đồng. Còn lại số tiền 20.000.000 đồng anh Nguyễn P và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Xuân B bồi thường về dân sự nên không xem xét.

+ Vụ án 2: Bà Phạm Thị T yêu cầu Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 65.600.000 đồng, nhưng Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B chưa bồi thường.

+ Vụ án 3: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H yêu cầu Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B bồi thường số tiền 167.000.000 đồng, nhưng bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B chưa bồi thường.

+ Đối với chị Vũ Thị Thanh H: Chị H yêu cầu Nguyễn Văn H bồi thường 1.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương số tiền là 17.000.000 đồng) nhưng Nguyễn Văn H chưa bồi thường.

* Vật chứng của vụ án: Đối với các hồ sơ xuất khẩu lao động Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B đã nhận của các bị hại, Nguyễn Văn H khai nhận đã đưa về Mỹ và làm thất lạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất không thu giữ được.

* Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đang bị nhiều bệnh nặng mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Hiện nay bị cáo đang ở trại giam, không có khả năng bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng số 73/CT.VKS-HS ngày 25/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đã truy tố, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2006 đến tháng 12/2008, tại xã G, huyện T tỉnh Đồng Nai, lợi dụng một số người dân có nhu cầu xuất khẩu lao động tại nước Mỹ, Nguyễn Văn H cùng với Nguyễn Xuân B đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách: Nguyễn Văn H tự giới thiệu là Phó giám đốc Công ty K, chuyên gia công vàng bạc, đá quý ở Mỹ đang cần tuyển nhân viên với mức lương cao. H và B hướng dẫn họ

làm hồ sơ gồm các bản sao công chứng sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe, 04 tấm hình 3x4, 04 tấm hình 4x6, lý 1ịch tư pháp, hộ chiếu giao cho Nguyễn Văn H để làm thủ tục. Nguyễn Xuân B có nhiệm vụ tìm người có nhu cầu xuất khẩu lao động, rồi tiếp cận đưa ra mức giá mỗi người được đi xuất khẩu lao động ở Mỹ phải trả 15.000 USD và hứa từ 03 đến 06 tháng sẽ được sang Mỹ lao động.

- Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B 03 lần cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn P, bà Phạm Thị Tg, Nguyễn Thị Thu T, Đào Tiến H với tổng số tiền 312.600.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền và hồ sơ của những người có nhu cầu xuất khẩu lao động. Nguyễn Văn H không thực hiện như lời hứa vì bản thân H không có khả năng đưa người Việt Nam sang xuất khẩu lao động tại Mỹ. Muốn chiếm đoạt được tiền bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối làm cho người bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Khi có tiền bị cáo tiêu xài cá nhân, không có hoạt động nào để đưa người sang Mỹ lao động như đã hứa, không nộp hồ sơ cho cơ quan chức năng. Khi bị hối thúc, H hứa đưa họ đi phỏng vấn nhưng cúp điện thoại. Người bị hại không liên lạc được với H do H đã bỏ trốn. Sau khi bỏ trốn, bị cáo đã tiếp tục phạm tội tại Bà Rịa – Vũng Tàu và bị bắt vào ngày 22/10/2012.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của nhiều người, số tiền chiếm đoạt 312.600.000đ là tình tiết định khung tại điểm a, khoản 3 Điều 139 – BLHS năm 1999. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 139 – BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo đang chấp hành án 14 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại trại giam Thủ Đức nhưng hành vi này bị cáo thực hiện sau khi phạm tội tại địa bàn huyện Thống Nhất nên xác định bị cáo không có tiền án. Tại phiên tòa bị cáo quanh co, đổ lỗi khách quan, không thành khẩn khai báo, do đó bị cáo không có tình tiết tăng nặng và cũng không có tình tiết giảm nhẹ.

Đối với Nguyễn Xuân B trong quá trình điều tra đã chết vào ngày 05/5/2015. Ngày 19/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã ra Quyết định số 01/QĐ đình chỉ điều tra đối với Nguyễn Xuân B.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà Phạm Thị T yêu cầu Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 65.600.000 đồng, nhưng Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B chưa bồi thường.

+ Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H yêu cầu Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B bồi thường số tiền 167.000.000 đồng, nhưng bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B chưa bồi thường.

+ Chị Vũ Thị Thanh H yêu cầu Nguyễn Văn H bồi thường 1.000 USD (quy đổi tỷ giá tại thời điểm tương đương số tiền là 17.000.000 đồng) nhưng Nguyễn Văn H chưa bồi thường. Yêu cầu của người bị hại là chính đáng cần buộc bị cáo bồi thường.

Tại phiên tòa, bà Lăng Thị Vân T yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 4.100 USD. Số tiền này bà T giao cho anh Đào Tiến H, anh H là người trực tiếp đưa tiền cho bị

cáo. Bị cáo không nhận có nhận tiền của bà T nên không có cơ sở buộc bị cáo hoàn trả số tiền trên cho bà T.

[6] Về vật chứng: Đối với các hồ sơ xuất khẩu lao động Nguyễn Văn H và Nguyễn Xuân B đã nhận của các bị hại, Nguyễn Văn H khai nhận đã làm thất lạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất không thu giữ được.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, do bị cáo trên 60 tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 139, điểm a khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H** phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**"

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H **07 (bảy) năm tù**. Tổng hợp hình phạt **14 (mười bốn) năm tù** tại bản án số 56/2013/HSST ngày 25/07/2013 của tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung **21 (hai mươi mốt) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 22/10/2012.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 298, Điều 616 - BLDS 2005

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả cho:

+ Bà Phạm Thị T số tiền 65.600.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng)

+ Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H số tiền 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

+ Chị Vũ Thị Thanh H số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Tách và giành quyền khởi kiện cho bị cáo Nguyễn Văn H về việc yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị cáo Nguyễn Xuân B hoàn trả lại ½ số tiền bị cáo H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thị T, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Đào Tiến H. Cụ thể: [(65.600.000đ + 167.000.000đ) x ½] = 116.300.000đ trong một vụ án khác khi có yêu cầu.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người Cao Tuổi năm 2009. Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo; người bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Công an huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo, người bị hại.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lưu Hồ Lân